

Bản án số: 59/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/12/2021

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phát Triên;

Ông Nguyễn Chí Công.

- Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Phát Đạt- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2021/TLST-HNGĐ, ngày 26/5/2021, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:204/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/11/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị S, sinh năm 1994;

Địa chỉ: số 179 ấp Tây H, xã Mỹ H, huyện Chợ M, tỉnh An Giang.(có mặt).

Bị đơn: Nguyễn Văn Hùng C, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: số 81A/TĐ ấp Tân Đ, xã Tân T, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thị S trình bày:

Qua mai mối, năm 2018 chị S và anh C chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đến ngày 21/5/2019 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân T. Thời gian đầu vợ chồng có nhiều hạnh phúc chỉ được vài tháng đầu, nhưng từ tháng 9/2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C không quan tâm gì đến gia đình, vì chị S sinh con kinh tế gia đình còn khó khăn

trong khi đó anh C đi làm chỉ dùng tiền để chi tiêu cá nhân. Từ việc anh C không quan tâm đến vợ con dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên gây gổ, vợ chồng ly thân từ tháng 01 năm 2020 đến nay, từ khi ly thân anh C không thường xuyên tới lui thăm con. Nhận thấy tình cảm không còn nên Trần Thị S xin được ly hôn với Nguyễn Văn Hùng C; Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Trần Minh Khang, sinh ngày 18/9/2019. Trần Thị S yêu cầu được nuôi Nguyễn Trần Minh Khang, Trần Thị S không yêu cầu Nguyễn Văn Hùng C cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản và nợ chung Trần Thị S không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Văn Hùng C trình bày: Anh C và chị S chung sống, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn đúng như lời chị S trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng có mâu thuẫn như chị S trình bày nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Hiện nay anh C vẫn còn thương vợ con, nhận thấy vợ chồng vẫn chưa có mâu thuẫn gì trầm trọng, anh C hứa sẽ khắc phục những sai lầm của bản thân, tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh C mong muốn đoàn tụ với chị S nên không đồng ý ly hôn với Trần Thị S; Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Trần Minh K, sinh ngày 18/9/2019. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh C yêu cầu được nuôi dưỡng Nguyễn Trần Minh K, anh C không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản khi ly hôn: Anh C cho rằng vợ, chồng có tài sản chung nhưng anh C không yêu cầu giải quyết tại vụ án này mà tự vợ, chồng sẽ thỏa thuận. Trường hợp không thỏa thuận được anh C sẽ khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung ở vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Anh C cho rằng vợ chồng không có, nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Trần Thị S và Nguyễn Văn Hùng C có đăng ký kết hôn ngày 21/5/2019 tại UBND xã Tân T, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp theo quy định, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung chị S cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm thường hay cãi vã, anh Hùng không lo vợ con. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2020 đến nay, thời gian xa nhau anh C không có hành động gì hàn gắn với chị S, không ai quan tâm đến ai.

Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn Hùng C thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, thời gian vợ chồng ly thân như chị S trình bày. Tuy nhiên anh C cho

rằng anh vẫn còn tình cảm với chị S, thời gian xa nhau có vài lần liên lạc qua điện thoại với chị S để hàn gắn nhưng chị S vẫn cố chấp nên anh C giận nên không liên lạc để hàn gắn nữa. Tại phiên tòa thì anh C nhận thấy vẫn còn tình cảm nên đề nghị xem xét để vợ, chồng hàn gắn. Trường hợp vẫn không hàn gắn được thì đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Xét thấy, mâu thuẫn của chị S và anh C đến mức không thể hàn gắn, không ai quan tâm đến ai. Mặc dù, Hội đồng xét xử đã động viên nhưng chị S vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh C, mâu thuẫn của Trần Thị S và Nguyễn Văn Hùng C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, cho nên việc chị S yêu cầu ly hôn là thỏa mãn theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Trần Thị S là có căn cứ.

[2] Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Trần Minh Khang, sinh ngày 18/9/2019, hiện con chung đang được chị S trực tiếp nuôi dưỡng và vẫn phát triển tốt, hơn nữa con chung Nguyễn Trần Minh K dưới 36 tháng tuổi. Nên xem xét cho chị S được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

Chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị S, anh Nguyễn Văn Hùng C không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn Trần Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Trần Thị S được ly hôn với Nguyễn Văn Hùng C.
 2. Về con chung: Trần Thị S được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Trần Minh Khang, sinh ngày 18/9/2019. Chị S không yêu cầu cấp dưỡng.
- Chị S cùng các thành viên trong gia đình không được ngăn cản anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Về án phí và tạm ứng án phí: Trần Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà Trần Thị S đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số

0014706, ngày 24/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (chị S đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/12/2021). Đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Trọng Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Hai

Nguyễn Chí Công

Nguyễn Văn Út

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 09 giờ 30 phút, ngày 29/5/2020.

Tại phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Hai;

Ông Nguyễn Chí Công.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2020/TLST-HNGĐ, “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng”, giữa:

- *Nguyên đơn:* Tô Thị Út - Sinh năm: 1980 (có mặt); địa chỉ: 30A ấp Tân Bình, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn Linh - Sinh năm: 1975 (có mặt); địa chỉ: 30A ấp Tân Bình, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật:

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử thống nhất 100%.

Về hôn nhân: Không công nhận Tô Thị Út và Nguyễn Văn Linh là vợ chồng.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử thống nhất 100%.

Về con chung: Tô Thị Út được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hữu Luân, sinh ngày 27/5/2002. Nguyễn Văn Linh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tô Thị Út cùng các thành viên gia đình không được cản trở Nguyễn Văn Linh trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung khi ly hôn.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử thống nhất 100%.

Về án phí sơ thẩm: Tô Thị Út phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà Tô Thị Út đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000195, ngày 28/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Tô Thị Út đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/5/2020).

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử thống nhất 100%.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 29 tháng 5 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Hai Nguyễn Chí Công

Nguyễn Văn Út

